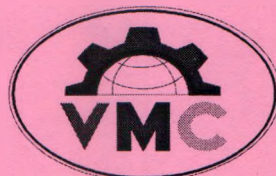


**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN**



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Cẩm Phả, tháng 4 năm 2024

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN

TT	TÊN TÀI LIỆU	SỐ HIỆU	SỐ TRANG
1	Chương trình Đại hội	938/CTr-VMC	02
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	939/CTr-VMC	07
3	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024	940/CTr-VMC	24
4	Báo cáo công tác quản trị của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý năm 2023	943/CTr-VMC	05
5	Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán	944/CTr-VMC	05
6	Báo cáo của BKS về hoạt động giám sát đối với kết quả SXKD năm 2023; Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023	945/CTr-VMC	11
7	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty	946/CTr-VMC	02
8	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023	941/CTr-VMC	01
9	Tờ trình về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024 của Người quản lý Công ty	942/CTr-VMC	03

Số: 938 /CTr-VMC

Cám Phá, ngày 28 tháng 3 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Thời gian: Từ 8h00 ngày 25/4/2024

TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
1	Ôn định tổ chức, thực hiện nghi lễ chào cờ	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
3	Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
4	- Giới thiệu đồng chủ tọa điều hành Đại hội - Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc Thư ký và Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
5	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.	Ban Kiểm tra tư cách CD
6	Thông qua chương trình làm việc, Quy chế tổ chức của Đại hội.	Ông Trần Quang Hưng TP. TC-HC
8	Biểu quyết thông qua chương trình làm việc, Quy chế Đại hội.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
9	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.	Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty
10	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, phương hướng nhiệm vụ 2024.	Bà Phạm Thu Hương Thành viên HĐQT
11	Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
12	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023.	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
13	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát



TT	Nội dung	Người giới thiệu/thực hiện
14	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023.	Ông Vũ Văn Khu – Phụ trách Phòng KTTC
15	Tờ trình về thực hiện tiền lương, thù lao năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024 của Người quản lý Công ty	Ông Vũ Văn Khu – Phụ trách Phòng KTTC
16	Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
17	Ý kiến của của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
18	Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT và BKS trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
19	Thông qua dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội
20	Thảo luận và Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
21	- Bế mạc Đại hội. - Thực hiện nghi lễ chào cờ.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy, b/c);
- BGĐ, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ



Số: 939 /QC-VMC

Cám Phả, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUY CHẾ
Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (Công ty) có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

Chương II: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN do Tổng Công ty Lưu ký và Bù chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Chương III:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty đăng ký hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

1. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp: Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có: Chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được uỷ quyền dự họp; hoặc Chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp. Tổ chức được uỷ quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được uỷ quyền dự họp; hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp. Tổ chức được uỷ quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho nhân viên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Các trường hợp: Giấy uỷ quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy uỷ quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo uỷ quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội: Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản uỷ quyền theo mẫu của Công ty; Khi tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp; Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty; Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội; Được phát các tài liệu, nội dung chương trình Đại hội kèm theo; Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội: Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Khi cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

a) Thư mời tham dự Đại hội (nếu có), Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội), nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội; Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban Thư ký

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội: Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc trưởng BKS, Đại diện nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp làm Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội; Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất; Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự; Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội; Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội; Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng: Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký: Đại hội Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu: Bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban Kiểm phiếu: Có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

3. Ban Kiểm phiếu: Có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

4. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương IV: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2023.
3. Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2023
5. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2024.
6. Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2023.
7. Báo cáo tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024.
8. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu
 - a) Việc biểu quyết các nội dung họp: Sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một Phiếu biểu quyết và sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được Cổ đông/Người được ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.
 - b) Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau: Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.
 - c) Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm: Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty; Phiếu bị rách, gập, tẩy xóa, sửa chữa; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký

hiệu; Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d) Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi: Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2. Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Khoản 1, Điều 11 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban Kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu: Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tập hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.

4. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

Điều 12. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

1. Tổ chức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban Kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về. Trường hợp Cổ đông đại diện của Cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban Kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu. Trưởng Ban Kiểm phiếu thay mặt Ban Kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu

biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với đoàn Chủ tịch qua Thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu và Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của Cổ đông nếu thấy cần thiết. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được Cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 14. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp; Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết đề đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

Chương V: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (30) ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn (20) hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 18. Một số quy định khác:

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành Quy chế này bao gồm 7 (bảy) Chương, 19 Điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2024./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e-copy);
- Ban chỉ đạo, BTC Đại hội (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ²⁴
CHỦ TỌA



Nguyễn Văn Tứ



Số: 990 /BC-VMC

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024
(tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2023 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi:

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên tích cực phối hợp thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm.

- Sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, và các tổ chức CĐ, ĐTN, Hội CCB Công ty đã tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Công ty đã sớm ban hành các giải pháp chỉ đạo điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

1.2. Khó khăn:

- Nguồn nhân lực có trình độ cao, lành nghề còn thiếu.

- Thiết bị còn thiếu đồng bộ, mức độ tự động hóa chưa cao.

- Ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga - Ukraina tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác sửa chữa lớn thiết bị và một số công trình trọng tâm.

- Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong khi khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động mạnh, khó lường.

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2023

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2023	TH 2022	TH 2023	So KH 2023 (%)	So cùng kỳ 2022 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.819.950	2.261.631	2.277.530	125,1	100,7
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.546	602.119	601.786	106,4	99,9

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2023	TH 2022	TH 2023	So KH 2023 (%)	So cùng kỳ 2022 (%)
3	Quỹ tiền lương	tr.đ	109.739	111.976	116.641	106,3	104,2
4	Lao động bình quân	người	861	858	856	99,4	99,8
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ht h	10.621	10.876	11.355	106,9	104,4
6	Lợi nhuận	tr.đ	14.000	13.984	15.328	109,5	109,6

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

2.1.2. Về sản phẩm chủ yếu:

* Chế tạo thiết bị, phụ tùng:

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2023: đạt 352 tấn/KH 1.000 tấn, bằng 35,2% KH năm, trong đó:

- Thiết bị ngành than: đạt 329,6 tấn/700 tấn, bằng 47% KH năm, trong đó: Chế tạo cột chống thủy lực các loại đạt 5.118 cột/KH 6.000 cột, bằng 85,3% KH năm;
- Chế tạo thiết bị cho ngành khác: đạt 22,5 tấn/300 tấn, bằng 7,5% KH năm.

* Chế tạo, phục hồi phụ tùng:

- + Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 261,3 tấn/KH 500 tấn, bằng 52,3% KH năm;
- + Phục hồi phụ tùng: đạt 287 tấn/KH 500 tấn, bằng 57,4% KH năm;
- + Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 67 tấn/KH 500 tấn, bằng 13,4 kế hoạch năm.

* Sản xuất thép cán và vì chống lò:

+ Sản xuất thép cán: đạt 110.086 tấn/KH 86.000 tấn, bằng 128% KH năm và tăng 13% so với năm 2022; trong đó bán ra đạt 67.341 tấn/KH 50.500 tấn, bằng 133% KH năm, tăng 19% so với năm 2022;

+ Chế tạo vì lò: đạt 44.619 tấn/KH 35.000 tấn, bằng 127,5% KH năm, tăng 11,4% cùng kỳ 2022.

* Sửa chữa thiết bị mỏ:

Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2023 đạt 72 thiết bị/KH 56 máy, bằng 128,6% KH đầu năm, bằng 88,9% so với cùng kỳ năm 2022.

2.1.3. Lao động và tiền lương:

Lao động bình quân 856 người/định mức 861 người, bằng 99,4 % KH giao; Tiền lương bình quân đạt 11.355.000 đồng/KH 10.621.000 đồng/người/tháng, đạt 106,9 % KH năm.

2.2. Đánh giá thực hiện các mặt công tác:

2.2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm:

Trong năm 2023, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Cơ bản đã bố trí đủ việc làm cho toàn thể người lao động;
- Đã duy trì sản xuất những sản phẩm thế mạnh của Công ty (cán thép, sửa chữa thiết bị mỏ; sản xuất vì chống lò, ...vv);
- Đã được nhận thầu, ký kết, thực hiện các hợp đồng một số thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV.

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn có hạn chế: (i) chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột chống, giá khung; (ii) chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước,...vv.

2.2.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

Trong năm 2023, công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ: Thường xuyên thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả các cuộc họp giao ban sản xuất. Từ đó đã thực hiện tương đối tốt về tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị, ...vv.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị hỏng bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất;
- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lúng túng, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

2.2.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm và các hệ thống quản lý:

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm đã được kiểm soát từ khâu kiểm nhập đầu vào đến quá trình gia công chế tạo, lắp ráp, giám sát thực hiện quy trình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn xảy ra sai hỏng hàng loạt. Về cơ bản chất lượng các sản phẩm truyền thống (thép cán, vì chống lò, sửa chữa thiết bị máy mỏ, các phụ tùng phục vụ sửa chữa lớn thiết bị...) ổn định, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tiếp tục duy trì hiệu lực Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015;

- Duy trì tính hiệu lực, tính liên tục Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015;

- Hạn chế: Một số trường hợp thực hiện QTCN không nghiêm gây sai hỏng sản phẩm; Một số sản phẩm phải bảo hành trong quá trình sử dụng.

2.2.4. Công tác kỹ thuật - công nghệ:

Trong năm 2023, công tác kỹ thuật – công nghệ đã bám sát kế hoạch sản xuất, vừa chuẩn bị kỹ thuật đón đầu các công việc mới, vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu trực tiếp của quá trình sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” góp phần quan trọng đạt được sản lượng thép SVP năm 2023 xấp xỉ 110.000 tấn.

- Sử dụng hiệu quả phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) đã khắc phục các sai hỏng và nâng cao chất lượng sản phẩm đúc.

- Công tác đề tài nghiên cứu khoa học: Hoàn thành đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống giám sát và bảo vệ động cơ một chiều công suất đến 2.500 kW và đề tài “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo máy đập búa sử dụng trong nhà máy sàng tuyển than có năng suất từ 100 T/h đến 150 T/h”. Đã đăng ký 02 đề tài “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo Máy nắn thẳng thép hình sử dụng trong dây chuyền Cán thép vì lò, thép hình U, I, L” và đề tài “Nghiên cứu thiết

kế, chế tạo thiết bị cấp liệu xích sử dụng trong nhà máy tuyển quặng bau xít có năng suất $Q = 150 \text{ t/h}$ đến 300 t/h ".

- Công tác sáng kiến năm 2023: Thẩm định và xét duyệt đạt 61 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với giá trị làm lợi trên 7,7 tỷ đồng, tiền thưởng trên 441 triệu đồng, góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

2.2.5. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai:

a) Công tác ĐTXD: Công ty đã triển khai và hoàn thành các dự án theo kế hoạch:

* *Dự án chuyển tiếp (02 dự án):*

- Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2022-2023: Hoàn thành 03/03 gói thầu;

- Dự án Nâng cao năng lực Dây chuyền Cột chống thủy lực: Hoàn thành 02/02 gói thầu.

* *Dự án khởi công mới (01 dự án):*

- Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2023-2024: Hoàn thành 06/06 gói thầu.

* *Kết quả thực hiện công tác đầu tư:*

- Tổng số các hạng mục thực hiện 11/11 gói thầu thiết bị, đạt 100% theo kế hoạch;

- Tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2023 là 22.189/23.288 triệu đồng tương ứng 95,3% kế hoạch điều chỉnh năm.

b) Công tác quản lý đất đai:

- Hoàn thành thủ tục, hồ sơ thuê đất với UBND tỉnh Quảng Ninh đối với các mảnh đất Công ty đang quản lý, sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo về công tác quản lý đất đai theo yêu cầu của TKV và các cơ quan quản lý cấp trên.

2.2.6. Công tác vật tư, kho tàng:

Công tác vật tư trong năm 2023 đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, công tác cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc. Tỷ lệ tồn kho cuối kỳ là 2,36% đảm bảo dưới mức quy định.

Kết quả giá trị mua sắm thực hiện năm 2023.

ĐVT: tỷ đồng

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu kỳ (31/12/2022)	Nhập kho	Xuất kho	Tồn cuối kỳ (31/12/2023)
Tổng số	47,297	1.937,137	1.925,919	58,515
Vật liệu	46,744	1.841,799	1.830,674	57,869
- Phôi thép	12,313	1.630,170	1.631,940	10,543
-Thép làm cột chống	4,701	4,959	7,211	2,450
-Vật tư, phụ tùng khác	21,040	186,239	180,186	27,093
-Vật tư, sắt thép phế liệu	8,690	20,431	11,34	17,783
Nhiên liệu	0,553	95,338	95,244	0,647

Trong đó chưa tính đến khối lượng thép vì lò mua dự phòng cho sửa chữa dây chuyền cán trong tháng 12/2023: Tổng số mua vào là 9.134 tấn, đã xuất bán 4.354 tấn, còn dự phòng tại thời điểm 31/12/2023 là 4.780 tấn, tương ứng với giá trị 88,463 tỷ đồng.

- Việc tổ chức mua sắm, cung ứng vật tư được thực hiện theo đúng quy chế, quy định về quản lý công tác vật tư của Công ty và hướng dẫn của TKV.

- Trong năm 2023 tiếp tục triển khai sắp xếp kho phế liệu và thực hiện Phương án thanh lý sắt thép phế liệu làm giảm giá trị tồn kho, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tuy nhiên, trong năm 2023 còn để xảy ra 01 vụ vi phạm tài sản liên quan đến công tác quản lý sắt thép phế liệu.

2.2.7. Công tác cơ điện, THH-TĐH và cung cấp điện, nước:

* Công tác sửa chữa thiết bị:

- Về tổng giá trị thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị cơ điện:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2022	NĂM 2023		Tỷ lệ % (TH/KH)
				KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr. đồng	20.469	29.550	29.880	101,1
2	Sửa chữa cấp trung tu	Tr. đồng	10.142	18.550	16.949	91,4

- Sửa chữa thường xuyên: Triển khai thực hiện sửa chữa công trình, thiết bị bám sát nội dung kế hoạch tháng và kế hoạch năm;

- Sửa chữa cấp trung tu: Tổ chức thực hiện 17/17 công trình theo kế hoạch, trong đó: Hoàn thành 16/17 công trình tương ứng đạt 91,4% giá trị kế hoạch; Dờ dang 01 công trình (Băng tải ngang thuộc Dây chuyền đúc thép) sẽ được hoàn thành trong quý I năm 2024.

* Công tác ứng dụng THH, TĐH:

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1782/QĐ-VMC ngày 05/7/2019 về Chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Năm 2023, hoàn thành được 05/05 công trình với giá trị thực hiện 6,0 tỷ đồng.

* Công tác cung cấp điện:

- Thực hiện tốt công tác sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị cung cấp điện theo kế hoạch; áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018 và tiếp tục thực hiện các giải pháp về tiết kiệm điện năng như: Thay thế đèn led, sử dụng khởi động mềm hoặc biến tần cho các động cơ có công suất lớn, giám sát nhiệt độ các thiết bị nhiệt luyện,...vv.

- Tổng lượng điện tiêu thụ toàn Công ty là 12.602.064 kWh, trong đó:

+ Điện năng cho sản xuất: 12.437.919 kWh;

+ Điện cho phụ tải ngoài Công ty (Chi nhánh Công ty): 9.789 kWh;

+ Điện cho sinh hoạt: 154.356 kWh;

+ Số giờ mất điện: 19 giờ 16 phút; số lần mất điện: 66 lần (do lưới 65 lần = 19 giờ 11 phút, nội bộ 01 lần = 05 phút).

* Công tác cung cấp nước:

- Nước sạch mua vào: Số lượng tiêu thụ 120.702/126.300 (m³), tương ứng 95,6 % kế hoạch;

- Nước sử dụng tuần hoàn sau hệ thống xử lý: 400.140 m³.

Nhận xét: Công tác cơ điện, THH - TĐH và quản lý năng lượng cơ bản đã đảm bảo năng lực thiết bị, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất; sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng góp phần tiết kiệm chi phí.

2.2.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương:

* Công tác định mức:

- Đáp ứng được với yêu cầu chung của sản xuất, kịp thời xây dựng các định mức đối với các mặt hàng mới đưa vào sản xuất ở các công trình/dự án tạo điều kiện cho việc thanh quyết toán và trả lương cho NLĐ;

- Rà soát, hiệu chỉnh đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất và ổn định tư tưởng cho NLĐ.

* Công tác quản lý lao động:

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các phân xưởng, phòng trong Công ty để cân đối số lao động cần thiết cho sản xuất. Thực hiện việc điều chuyển, điều động lao động trong nội bộ linh hoạt bảo đảm phục vụ kịp thời cho sản xuất;

- Công tác thống kê, báo cáo nhanh lao động hàng ngày đã phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy lao động;

- Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2023 như sau (Lao động theo danh sách)

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2023 (Người)	Lao động đến cuối năm 2023 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2023 (Người)	Tỷ lệ lao động cuối năm 2023 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Lao động quản lý	121	116	-05	13,55
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	76	71	-05	8,29
3	Lao động công nghệ	664	669	+12; -27 +20 TV	78,16
	Tổng:	861	856		100

- Kết quả tình giảm lao động: Đã giảm tuyệt đối 08 lao động gián tiếp, phục vụ phụ trợ.

* Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương:

- Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao thu nhập cho người lao động (NLĐ).

- Triển khai áp dụng việc trả lương theo kết quả sản xuất (KPIs) từ tháng 7/2023.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện năm 2022	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %	
						So với KH năm 2023	So với TH năm 2022
1	Lao động bình quân trong danh sách	Người	858	861	856	99,4	99,8
1.1	Lao động công nghệ	Người	661	664	669	100,8	101,2
1.2	Lao động phụ trợ	Người	44	44	43	97,7	97,7
1.3	Lao động phục vụ	Người	32	32	28	87,5	87,5
1.4	Lao động gián tiếp	Người	121	121	116	95,9	95,9

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện năm 2022	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ %	
						So với KH năm 2023	So với TH năm 2022
2	Tiền lương theo GTSX	Tr.đ	111.976	109.739	116.641	106,3	104,2
3	Tiền lương BQ	1000đ/ng/th	10.876	10.621	11.355	106,9	104,4
4	NSLĐ BQ (theo Doanh thu trừ chi phí chưa có tiền lương)	Tr.đ/ng/năm	146,81	143,72	154,17	107,3	105,0

* Thực hiện chế độ chính sách với người lao động:

- Nộp BHXH và quyết toán với cơ quan BHXH cấp trên kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty. Kết quả thực hiện như sau:

Bảng chi tiết thực hiện công tác chế độ năm 2023:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện	Ghi chú
1	Bảo hiểm xã hội			
1.1	LĐ tham gia BHXH	Người	758	
1.2	Quỹ lương	Triệu đồng	58.547,525	
1.3	Số phải đóng	Triệu đồng	18.548	
2	Giải quyết chế độ			
2.1	Hưu trí	Người	8	
2.2	Tuất	Người	0	
2.3	Ốm đau, thai sản, dưỡng sức	Đồng	11.304.000	
		Người	4	
	Ốm đau	Đồng	832.659.500	
		Lượt người	1.324	
	Thai sản	Đồng	235.586.600	
		Người	30	
2.4	Hoãn hợp đồng	Lượt người	17	
2.5	Chăm dứt HĐLĐ	Người	24	
	Trợ cấp CDHĐ	Đồng	785.336.000	
2.6	Giải quyết TNLĐ	Người	7	
	Chi trả trợ cấp TNLĐ	Đồng	34.614.480	

- Giải quyết phép năm đầy đủ, cấp phát trang bị BHLĐ kịp thời và đúng tiêu chuẩn, đối tượng;

- Thực hiện việc giải quyết và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, điều dưỡng cho CB, CN, NLĐ đầy đủ cùng kỳ trả lương tháng của Công ty. Chế độ bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng thêm ca cho các đối tượng theo đúng quy định của Công ty.

* Công tác Y tế:

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% NLĐ, khám sức khỏe cho NLĐ nặng nhọc, độc hại, nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ là 582 người, khám chuyên khoa nữ cho 203 lao động nữ,...vv;

- Kết hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Quảng Ninh về đo kiểm tra môi trường lao động tại các phân xưởng trong Công ty, cải tạo đảm bảo môi trường làm việc phù hợp cho người lao động. Tổ chức phun diệt côn trùng, muỗi gián để phòng chống các loại dịch bệnh lây lan trong mùa hè.

** Công tác đời sống:*

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn VSLĐ, PCCN, kiểm tra thực phẩm tại nhà ăn Công nghiệp theo đúng Thông tư 15/2012/TT-BYT và Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 về việc thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn;

- Năm 2023, đã phục vụ cho hơn 170.392 suất ăn công nghiệp, cơm khách và hội nghị đảm bảo an toàn tuyệt đối về an toàn thực phẩm;

- Tăng cường các biện pháp bổ sung chế độ ăn uống cho người lao động tại các công trường trong thời tiết nắng nóng.

2.2.9. Công tác tài chính kế toán:

- Tình hình tài chính, công nợ:

+ Công tác thu xếp vốn: Thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty (tiền lương, tiền điện, BHXH, các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán, ...);

+ Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Chênh lệch (+,-)
I	Vay ngắn hạn	170,6	511,5	636,9	45,2	-125,4
II	Vay dài hạn	28,8	19,6	14,3	34,1	+ 5,3

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
I	Các loại thuế	27.025
1	Thuế TNDN	3.233
2	Thuế GTGT	20.880
3	Thuế TNCN	1.111
4	Thuê đất	1.796
5	Thuế môn bài	4
6	Thuế khác	
II	Bảo hiểm xã hội	18.548

- Tình hình thu hồi công nợ:

Ngay từ đầu năm, công tác thu hồi công nợ luôn được quan tâm nên tình hình tài chính của Công ty đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất. Trong năm 2023, Công ty thu được 2.594,9 tỷ đồng/2.489,6 tỷ đồng tổng số nợ phải thu khách hàng, số dư nợ phải thu khách hàng ngày 31/12/2023: 280,8 tỷ đồng, giảm 105,3 tỷ đồng so với đầu năm.

- Tình hình thanh toán cho người bán:

Trong năm 2023, Công ty trả được 2.262,1 tỷ đồng/2.401,5 tỷ đồng, số dư nợ phải trả người bán ngày 31/12/2023: 489,2 tỷ đồng, tăng 139,4 tỷ đồng so với số dư đầu năm. Các đơn vị có số dư lớn: Tổng Công ty Khoáng sản TKV là 244 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên là 140,6 tỷ đồng.

- Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:

+ Vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 01/01/2023: 64.748 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

Tại ngày 31/12/2023: 66.574 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

- Tình hình tài chính

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu thực hiện so với năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	lần	0,88	0,91
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,66	0,49
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	90,3	90,3
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	9,5	9,36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	338,6	331,7
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,47	0,53
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,7	18,2
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	1,59	1,76

2.2.10. Công tác AT-VSLĐ; An ninh, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ môi trường:

* Công tác AT-VSLĐ, PCCC:

- Tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho 100% CBCN, người lao động; Huấn luyện AT-VSLĐ các nhóm theo quy định cho tổng số 986 lượt người;

- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ đạt 8.451/7.275 (triệu đồng), tương ứng đạt 111,3 % kế hoạch năm. Cụ thể:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023		Thực hiện năm 2023		Tỷ lệ giá trị TH/KH (%)
		Số việc	Giá trị (tr.đồng)	Số việc	Giá trị (tr.đồng)	
1	Kỹ thuật an toàn PCCC	11	1.771	10	1.680	94,8
2	Biện pháp kỹ thuật VSLĐ, phòng chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động	6	363	6	352	96,9
3	Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân	47	948	47	1.782	187,9
4	Chăm sóc sức khỏe NLĐ	10	3.520,0	10	3.602	102,3
5	Thông tin tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ	16	994	16	1.035	104
	Cộng	90	7.595	89	8.451	111,3

- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 160 người thuộc lực lượng PCCC&CNCH, hoàn thành kế hoạch diễn tập PCCC&CNCH. Năm 2023, Công ty không xảy ra sự cố cháy nổ hoặc vi phạm PCCC;

- Năm 2023, không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng; không xảy ra sự cố kỹ thuật thiết bị gây mất AT-VSLĐ. Tuy nhiên, còn xảy ra 4 vụ TNLĐ nhẹ làm 4 người bị thương (giảm 2 vụ so với cùng kỳ năm 2022). Các trường hợp TNLĐ có nguyên nhân chủ yếu do sự chủ quan của người lao động như trượt ngã, va đập, thiếu quan sát, bên cạnh đó có trách nhiệm của hệ thống quản lý. Các vụ TNLĐ đều được tổ chức điều tra xác định rõ nguyên nhân.

** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản:*

- Phối kết hợp cùng lực lượng bảo vệ Hồng Hà đảm bảo an ninh trật tự và sẵn sàng chiến đấu; Ban hành và thực hiện tốt các Kế hoạch bảo vệ ANTT trong các ngày lễ, Tết, sự kiện của Công ty;

- Cơ bản đã thực hiện tốt việc kiểm tra, kiểm soát hàng hóa ra/vào Công ty;

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB,CN, NLĐ được giải quyết kịp thời, không có đơn thư khiếu nại tố cáo;

- Hạn chế: Lực lượng bảo vệ chuyên trách của Công ty chưa thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ, đã để xảy ra 01 vụ vi phạm tài sản.

** Công tác Quân sự quốc phòng:*

- Bộ phận Quân sự tham mưu BCHQS Công ty thực hiện tốt các nội dung: (i) Chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng & An ninh cho các đối tượng theo quy định; (ii) Thực hiện tốt việc huấn luyện DQTV năm 2023 theo kế hoạch của Ban CHQS thành phố;

- Thực hiện tốt Kế hoạch tuyển chọn, quản lý quân nhân nhập ngũ giao quân cho BCQS thành phố Cẩm Phả (Năm 2023 giao 01 tân binh lên đường nhập ngũ, tuyển chọn 02 công dân để lên đường nhập ngũ đầu năm 2024);

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập. Thực hiện nghiêm công tác bàn giao công dân tham gia nghĩa vụ quân sự.

** Công tác Phòng chống mưa bão - Bảo vệ môi trường:*

- Công tác Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Xây dựng và ban hành phương án PCTT-TKCN và phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc tổ

chức phòng chống mưa bão và PCTT-TKCN; Tổ chức sửa chữa, chống dột mái nhà xưởng, nạo vét các hồ lắng, khơi thông hệ thống thoát nước trong Công ty; Đo kiểm tra, sửa chữa 950 vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét; Tổ chức triển khai các biện pháp phòng ngừa, bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ ứng trực sẵn sàng 24/24h khi có thời tiết mưa bão. Giá trị thực hiện là 3.155/3.005 (triệu đồng), đạt 104,9% kế hoạch năm.

- Công tác Bảo vệ môi trường: Thực hiện đúng quy định về việc kiểm tra, kiểm soát môi trường lao động; Công tác thu gom, phân loại chất thải tại nguồn và chuyển giao, xử lý được thực hiện theo quy định. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh của Công ty và Bộ Tiêu chí môi trường “Sáng - Xanh - Sạch” của TKV; Duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả các công trình môi trường, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và Công cụ quản lý 5S. Kết quả thực hiện đạt 5.261/6.247 (triệu đồng), tương ứng đạt 84 % kế hoạch năm (giá trị giảm do: (i) Khối lượng chất thải giảm so với kế hoạch; (ii) Một số chi phí cũng giảm như: Phân định chất thải, hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải, ...).

2.2.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí:

Triển khai nghiêm túc chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Trong năm 2023 Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 03/01/2023 về Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2023, từ đó công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, đã góp phần giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

2.2.12. Các công tác khác:

*** Công tác xã hội, cộng đồng:**

- Công tác đền ơn đáp nghĩa: (i) Tổ chức gặp mặt kỷ 75 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 đối với NLĐ là con Liệt sĩ đang công tác tại Công ty; (ii) Phối hợp với Hội CCB Công ty tổ chức cho Hội viên Hội CCB và các con của Liệt sĩ đi tham quan, du lịch về nguồn; (iii) Phối hợp tốt với các tổ chức trong Công ty trong việc thực hiện thăm hỏi, động viên, hỗ trợ cho nạn nhân chất độc màu da cam;

- Tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi các gia đình chính sách nhân các ngày Lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.

- Quan tâm chăm lo các cháu con CB, CN, NLĐ: tặng quà cho các cháu thiếu niên, nhi đồng, các cháu tật nguyền nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Quốc tế thiếu nhi và Trung thu; Tuyên dương, khen thưởng các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi và thi đỗ Đại học năm học 2022-2023.

- Thường xuyên quan tâm, chăm lo, đóng góp ủng hộ, động viên các gia đình người lao động đặc biệt khó khăn.

- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội khác.

*** Công tác văn hóa, thể thao:**

Trong năm 2023, hoạt động VHVN, TDTT, tuyên truyền động viên NLĐ của Công ty tiếp tục được duy trì và diễn ra thường xuyên, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần cho NLĐ, mặt khác tạo sự đoàn kết, gắn bó, phối hợp hiệu quả trong công việc. Một số hoạt động tiêu biểu:

- Tổ chức thành công Hội diễn nghệ thuật quần chúng, giải cầu lông truyền thống Công ty năm 2023; Tham gia các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương.

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng, đảm bảo quyền lợi và tôn vinh NLĐ.

III. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC NỘI QUY, QUY CHẾ

3.1. Công tác chỉ đạo:

- Đảng ủy, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo, ban hành các nghị quyết, kết luận, xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện phù hợp với đặc thù sản xuất của Công ty.

- Ban Giám đốc Công ty quan tâm chỉ đạo, các phòng, ban chức năng xây dựng Quy chế, Quy định, Nội quy phù hợp với Công ty cùng sự thay đổi của các văn bản, quy định của Nhà nước, đồng thời phân công cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị phụ trách công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc.

3.2. Xây dựng, ban hành văn bản:

Trong năm 2023, Công ty đã xây dựng, thông qua các cấp có thẩm quyền phê duyệt để ban hành thực hiện trên 5.093 văn bản các loại. Trong đó có các văn bản quan trọng sau:

- 01 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cùng 15 Nghị quyết của HĐQT;
- 01 Nghị quyết của Hội nghị NLĐ; 17 Nghị quyết liên tịch giữa chuyên môn với Công đoàn;
- 01 Kế hoạch SXKD năm 2024; 12 Kế hoạch SXKD tháng, quý; 01 giải pháp điều hành thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023;
- 36 quy định, quy chế về quản lý, quản trị;
- Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015;
- Thực hiện triển khai xây dựng áp dụng HTQL Môi trường ISO 14001:2015, HTQL Năng lượng ISO 50001:2018 và Công cụ năng suất 5S, ...vv.

3.3. Công tác triển khai thực hiện:

- Trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ các quy chế, quy định, nội quy, nghị quyết, chỉ thị, qua đó phát triển sản xuất, từng bước cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CB, CN, NLĐ.

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn có những hạn chế: (i) Việc tổ chức thực hiện xây dựng, ban hành một số nội quy, quy chế còn chậm; (ii) Việc nắm bắt, thực hiện các nội dung quy định, quy chế có lúc chưa kịp thời.

IV. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NLĐ

4.1. Công tác Thi đua - Khen thưởng:

a. Các nội dung, mục tiêu thi đua trong năm 2023:

Công tác thi đua đã tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2023 với nhiều hình thức đổi mới, thiết thực. Một số nội dung cụ thể:

- Thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tháng, quý, năm;
- Thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Thi đua đảm bảo an toàn, giữ vững môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh”;
- Thi đua hưởng ứng Tháng Công nhân;
- Thi đua học tập nâng cao trình độ tay nghề đạt danh hiệu Bàn tay vàng, Kỹ sư giỏi, Chiến sỹ thi đua;
- Thi đua chào mừng Kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Công ty, chào mừng ngày Truyền thống Công nhân Mỏ - Truyền thống ngành Than;

- Thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, đặc biệt là chào mừng Kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh Quảng Ninh (30/10/1963 - 30/10/2023).

b. *Kết quả thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung, chỉ tiêu thi đua trong Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2023:*

- Các danh hiệu thi đua: cụ thể tại mục VI;
- Đã khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích với tổng số tiền thưởng năm 2023: 2.828.155.000 đồng.

4.2. Kỷ luật lao động:

Trong năm 2023 có 10 trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng mức độ vi phạm theo đúng Nội quy lao động của Công ty, trong đó hình thức kỷ luật: Sa thải: 02 trường hợp; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng: 02 trường hợp; Khiển trách: 06 trường hợp.

V. CÔNG TÁC THU, CHI CÁC QUỸ VÀ TRÍCH NỘP BHXH

Năm 2023, Công ty đã thực hiện thu, sử dụng các quỹ theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Quỹ Hoạt động xã hội	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi
1	Năm trước chuyển sang	310.724.850	-317.520.903	996.640.628
2	Thu năm 2023	1.166.842.433	2.060.568.634	883.100.843
3	Chi năm 2023	1.669.702.880	1.705.995.000	1.122.160.000
4	Số dư tại ngày 31/12/2023	-192.135.597	37.052.731	757.581.471

Thực hiện việc trích, nộp BHXH, BHYT, BHTN, đúng, đủ với tổng số tiền: 18.548 triệu đồng.

VI. KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ NLĐ NĂM 2023

Công ty đã cơ bản thực hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2023.

Về chỉ tiêu doanh thu đạt 2.275,667/1.819,95 tỷ đồng, bằng 125% KH.

Các chỉ tiêu khác: Lợi nhuận đạt 15,33/14 tỷ đồng, bằng 109,5% KH; Nộp ngân sách nhà nước theo quy định với giá trị 27,025 tỷ đồng; Tiền lương bình quân đạt 11.355.000/KH 10.621.000 đồng/người/tháng, bằng 106,8 KH.

Thực hiện tốt công tác An toàn - VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường với mục tiêu “**An toàn - Phát triển - Hiệu quả**”; Đẩy mạnh các hoạt động VH TT trong CNVC - LĐ tạo khí thế thi đua sôi nổi, không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho NLĐ.

* Kết quả công thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung Kế hoạch liên tịch phát động thi đua năm 2023 Cụ thể như sau:

- Công tác sáng kiến đạt 61/70 chỉ tiêu sáng kiến, đạt 87%;
- Đơn vị về trước kế hoạch đạt 3/3 đơn vị, đạt 100%;
- Tổ đội về trước kế hoạch đạt 29/25 tổ, đạt 116%;
- Tổ lao động tiên tiến đạt 60/60 tổ, đạt tỷ lệ 100%;
- Tổ đội lao động xuất sắc đạt 37/40 tổ, đạt 92,5%;
- Cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến đạt 679/751 tổng số lao động, chiếm tỷ lệ 90,4%, vượt 10,4% so với kế hoạch;

- Chiến sĩ thi đua cơ sở đạt 108/120 người, đạt 90%;
- Kỹ sư giỏi đạt 6/8 người, đạt 75%;
- Công nhân đạt danh hiệu bàn tay vàng đạt 80/75 người, đạt 107%.

** Công ty đang đề nghị xét tặng các danh hiệu:*

- Chiến sĩ thi đua cấp Tập đoàn: 22 người;
- Bằng khen Ủy ban QLV: 02 đơn vị, 10 người;
- Bằng khen Thủ tướng chính phủ: 02 người;
- Huân chương Lao động hạng Ba: 01 người;
- Bằng lao động sáng tạo: 08 người.

Các tổ chức (CĐ, ĐTN, Hội CCB) có nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, được cấp trên khen thưởng.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2023, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, do đó thực hiện đạt vượt mức, đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Tuy nhiên năm 2023 Công ty còn có những hạn chế trong công tác ANTT, công tác quản lý, điều hành sản xuất, đã để xảy ra 01 vụ vi phạm tài sản nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty và làm giảm hiệu quả các mặt sản xuất, công tác của Công ty trong năm.

PHẦN THỨ HAI MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi:

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV, của Đảng ủy Than Quảng Ninh đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng.

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD của năm 2023, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2024.

1.2. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới có những biến động khó lường, xung đột giữa Nga và Ukraina tiếp tục diễn biến phức tạp làm đứt gãy chuỗi cung ứng một số mặt hàng thiết yếu cho SXKD, ảnh hưởng đến các hoạt động trong đó có hoạt động SXKD; Cạnh tranh trong thị trường ngành cơ khí diễn ra gay gắt.

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề còn thiếu.

- Thiết bị của Công ty chưa đồng bộ, mức độ tự động hóa chưa cao.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến hiện đại; Thực hiện đề án chuyển đổi số và liên thông các cơ sở dữ liệu trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, điều hành, ...vv.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu: 1.905 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.894,25 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 1.950 tỷ đồng;

- Giá trị sản xuất: 565,949 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 580 tỷ đồng;

- Lợi nhuận: 15 tỷ đồng;

- Lao động bình quân theo định mức: 859 người;

- Tiền lương bình quân: 11,117 triệu đồng/người/tháng;

- Cổ tức: $\geq 10\%$;

- Giá trị các dự án đầu tư: 13.334 triệu đồng;

- Bảo toàn và phát triển vốn;

- Các chỉ tiêu khác: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

3.1. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Công tác tuyển dụng: Tiếp tục rà soát hoàn thiện Quy chế Tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với các quy định hiện hành; xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó tiếp tục ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong Công ty; Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu; Điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm nâng cao ý thức thực thi pháp luật; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động; Đổi mới, nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phục trợ theo định biên.

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs; Đổi mới quản trị doanh nghiệp, triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng chính phủ.

3.2. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

- Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị. Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2024 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải, ...vv;

+ Các đơn vị khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất cột chống thủy lực, nâng cao chất lượng cột chống.

+ Các đơn vị kho vận, chế biến than: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

- Thị trường khác trong và ngoài TKV:

+ Chủ động tiếp cận, khảo sát, đánh giá hoạt động sản xuất tại các đơn vị trong và ngoài TKV để nắm bắt về công nghệ sản xuất từ đó có kế hoạch khai thác tốt việc làm cho hoạt động sản xuất cơ khí của Công ty;

+ Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Tập đoàn Hòa Phát, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong việc cung cấp các loại phụ tùng.

- **Thị trường trong tỉnh Quảng Ninh:** Tăng cường khai thác thị trường, đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong tỉnh Quảng Ninh; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng tỉnh Quảng Ninh về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 01/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 04/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, để nắm bắt các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp chế biến chế tạo trên địa bàn Tỉnh.

- Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ trong ngành theo kế hoạch PHKD, hưởng ứng tích cực Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” tăng cường công tác khai thác thị trường, tiếp thị để nắm bắt các cơ hội tiêu thụ, phát triển sản phẩm cơ khí.

- Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

3.3. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường:

- Tiếp tục thực hiện chương trình Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư;

- Ban hành đầy đủ Quy trình vận hành thiết bị, Quy trình công nghệ, Biện pháp thi công; Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử,...vv;

- Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến;

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng;

- Công tác cơ điện và năng lượng: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Chủ động dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (Dây chuyền cán thép, chế tạo cột chống, chế tạo vì lò, các máy công cụ đặc chủng...vv); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời. Nâng cao hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018;

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về BVMT, thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, thực hiện công cụ 5S ở tất cả các đơn vị trong Công ty; Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán, PX Đúc, ...vv).

3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành:

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật. Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định một cách kịp thời làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý;

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật, đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra,

giám sát, đảm bảo an ninh trật tự trong việc quản lý, mua sắm, cấp phát, sử dụng vật tư, quản lý kho tàng, thu hồi phế liệu,..vv;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ. Kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm nội quy lao động tại Công ty;

- Thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc xác định cụ thể giá trị tiết kiệm theo chi phí khoán quản trị đã được ban hành.

3.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với NLĐ:

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại;

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh; Tiếp tục hỗ trợ, tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ điều dưỡng phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2024, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2024 với mục tiêu **AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ**.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e-copy, b/c);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- Ban KS, Ban GD, CD (e-copy);
- Các cổ đông Công ty (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: TC-HC, KH-VT, VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

Phụ lục 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Tình hình thực hiện KH		So sánh (%)	
				Thực hiện 2022	Thực hiện năm 2023	Cùng kỳ năm 2022	KH năm 2023
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
I	Sản phẩm chủ yếu						
1	Chế tạo thiết bị	tấn	1.000	385	352	91	35
1.1	Thiết bị ngành than	tấn	700	347	330	95	47
	Trong đó:						
	- Máy xúc VMC 500	máy	2	3	-	-	-
	- Cột chống thủy lực	cột	6.000	3.699	5.118	138	85
	- Chế tạo xe goòng các loại	xe	50		23		46
1.2	Thiết bị ngành khác	tấn	300	38	23	59	8
2	Chế tạo, phục hồi phụ tùng		1.500	1.330	616	46	41
2.1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	500	322	261	81	52
2.2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	500	604,0	67	11	13
2.3	Phục hồi phụ tùng	tấn	500	404	287	71	57
3	Sản xuất vì chống lò, thép cán						
3.1	Sản xuất vì chống lò	tấn	35.000	40.041	44.619	111	127
3.2	Thép chống lò	tấn	86.000	97.363	110.086	113	128
	Tr.đó: bán trong than		50.500	56.426	67.341	119	133
4	Sửa chữa thiết bị xe máy		56	81	72	89	129
4.2	Xe gạt D85A, khác	cái	7	7	5	71	71
4.3	Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u	cái	9	7	7	100	78
4.4	Máy xúc nhỏ	cái	10	12	12	100	120
4.5	Máy khoan xoay cầu CBIII	cái	6	5	6	120	100
4.6	Máy khoan các loại	cái	2	3	2	67	100
4.7	Xe máy, các thiết bị khác	cái	22	47	40	85	182
5	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	9.800	74.278	48.937	66	499
	Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	200	72	-	-	-

	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	8.600	72.919	47.735	65	555
	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.000	1.287	1.202	93	120
II	Doanh thu	tr.đ	1.819.950	2.261.632	2.277.530	100,7	125,1
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	tr.đ	1.809.650	2.186.078	2.227.894	101,9	123,1
	Bán trong ngành than	tr.đ	1.769.650	2.145.744	2.216.238	103	125
	Bán ngoài ngành than	tr.đ	40.000	40.334	11.656	29	29
2	Doanh thu sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	9.800	74.278	48.937	66	499
1	XDCB tự làm và vật liệu xây dựng	tr.đ	200	72	-	-	-
2	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	8.600	72.919	47.735	65	555
3	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.000	1.287	1.202	93	120
3	Doanh thu tài chính, khác	tr.đ	500	1.275	699	55	140
III	Giá vốn	tr.đ	1.253.904	1.658.238	1.674.345	101	134
1	Giá vốn phiê thép và thép chống lò	tr.đ	1.245.734	1.586.869	1.626.909	103	131
2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị.	tr.đ	8.170	71.369	47.436	66	580
IV	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.546	602.119	601.786	99,9	106,4
1	Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép lò)	tr.đ	563.916	599.210	600.286	100	106
2	Sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	1.630	2.909	1.500	52	92
	+ Sản xuất VLXD	tr.đ	200	72	-	-	-
	+ Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	430	1.550	298	19	69
	+ Sản xuất ô xy, ni tơ	tr.đ	1.000	1.287	1.202	93	120
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	tr.đ	1.805.950	2.247.644	2.262.202	101	125
1	Chi phí trung gian	tr.đ	1.655.328	2.079.522	2.078.014	100	126
2	Giá trị gia tăng	tr.đ	150.622	154.515	160.529	104	107
2.1	Tiền lương	tr.đ	109.739	111.997	116.641	104,1	106,3

	<i>Trong đó: Quỹ lương VCQL</i>	<i>tr.đ</i>	2.399	2.495	2.304	92	96
2.2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHYT, KPCĐ	<i>tr.đ</i>	14.203	13.704	14.219	104	100
2.3	KHTSCĐ	<i>tr.đ</i>	26.680	28.814	29.669	103	111
3	Kết chuyển CP dở dang trong kỳ	<i>tr.đ</i>		9.846	10.376	105	
4	Chi phí hoạt động tài chính, khác	<i>tr.đ</i>		13.607	13.283	98	
VI	Lợi nhuận	<i>tr.đ</i>	14.000	13.988	15.328	110	109
VII	Các chỉ tiêu về lao động tiền lương						
1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		190	182	190	104	100,1
2	Lao động bình quân theo định mức	Người	861	858	856	99,8	99,4
3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/thg	10.621	10.876	11.355	104,4	106,9
	<i>Trong đó: Tiền lương bình quân người lao động</i>	1000đ/ng/thg		<i>10.709</i>	<i>11.201</i>	<i>105</i>	
	<i>Tiền lương bình quân VCQL</i>	1000đ/ng/thg		<i>34,658</i>	<i>36,029</i>	<i>104</i>	

Phụ lục 02

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Số đầu năm	Số cuối năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	515.441.250.018	538.525.318.762
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.633.923.208	6.163.529.636
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	379.284.729.472	272.821.262.851
III. Hàng tồn kho	128.353.998.089	245.015.236.228
IV. Tài sản ngắn hạn khác	5.168.599.249	14.525.290.047
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	152.157.964.977	147.743.208.017
I. Tài sản cố định	137.055.576.017	128.247.642.817
II. Tài sản dài hạn khác	15.102.388.960	19.495.565.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	667.599.214.995	686.268.526.779
C - NỢ PHẢI TRẢ	602.850.939.496	619.693.748.309
I. Nợ ngắn hạn	584.229.614.249	594.416.285.338
Trong đó:		
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	349.856.854.477	489.250.666.477
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.478.824.540	1.614.677.929
3. Phải trả người lao động	33.521.798.037	37.178.193.232
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	183.412.014.400	56.085.324.978
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	928.307.031	1.105.731.619
II. Nợ dài hạn	18.621.325.247	25.277.462.971
Trong đó		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.026.000.000	23.246.643.200
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.480.000.000	1.480.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	64.748.275.499	66.574.778.470
I. Vốn chủ sở hữu	63.448.017.499	66.241.370.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	4.129.472.713	5.480.152.203
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.345.034.786	13.787.708.772
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.300.258.000	333.407.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	667.599.214.995	686.268.526.779

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	Ghi chú
I	Sản phẩm chủ yếu			
1	Chế tạo thiết bị	tấn	900	
1.1	Chế tạo thiết bị ngành than	tấn	700	
	Trong đó:			
	- Máy xúc đá VMC E500-1	Máy	2	
	- Dàn chống thủy lực các loại	Dàn	-	
	- Cột chống thủy lực các loại	cột	6.000	
	- Xe goòng các loại	Xe	50	
	- Thiết bị khác	tấn	200	
1.2	Chế tạo thiết bị ngành khác	tấn	200	
2	Chế tạo, phục hồi phụ tùng		1.100	
2.1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	300	
2.2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	300	
2.3	Phục hồi TB phụ tùng	tấn	500	
3	Sản xuất vì lò, thép cán		-	
3.1	Chế tạo vì lò	tấn	36.000	
3.2	Thép cán vì chống lò, thép ray	tấn	90.000	
	Trong đó: Bán ra	tấn	53.500	
4	Sửa chữa thiết bị xe máy		56	
	- Sửa chữa xe gạt D85A, D7R,...v.v	Xe	6	
	- Máy xúc EKG	Máy	6	
	- Máy xúc thủy lực, máy xúc đá trong lò các loại	Máy	8	
	- Máy khoan xoay cầu	Máy	5	
	- Máy khoan thủy lực	Máy	1	
	- Sửa chữa thiết bị khác	t.bị	30	
5	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	10.250	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	tr.đ	9.000	
	- Sản xuất Ô xy - Ni tơ	tr.đ	1.250	
II	Doanh thu	tr.đ	1.905.000	
1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	tr.đ	1.894.250	
2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	10.250	
3	Doanh thu hoạt động TC & khác	tr.đ	500	
III	Giá vốn	tr.đ	1.338.550	
	- Giá vốn phối thép cán	tr.đ	1.329.325	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính	tr.đ	9.225	
IV	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.949	
1	Giá trị sản xuất cơ khí	tr.đ	564.924	
2	Sản xuất, dịch vụ khác	tr.đ	1.025	

V	Giá trị gia tăng (GDP)	tr.đ	153.922	
	- Khấu hao tài sản	tr.đ	23.488	
	- Tiền lương	tr.đ	114.593	
	<i>Trong đó: VCQL</i>	tr.đ	2.434	
	- Bảo hiểm	tr.đ	15.841	
	- Thuế (trong giá thành)			
VI	Lợi nhuận	tr.đ	15.000	
VII	Vốn đầu tư XDCB	tr.đ	13.334	
	- Khấu hao	tr.đ	3.665	
	- Vốn ngân sách	tr.đ		
	- Vốn vay	tr.đ	9.669	
	- Vốn ngân sách	tr.đ		
VIII	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
1	Lao động định mức	người	859	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	<i>6,0</i>	
2	Năng suất lao động			
3	Tiền lương bình quân doanh nghiệp	1000đ/ng/th	11.117	
4	Đơn giá tiền lương (đ/1000đ giá trị SX)	đ/1000 đgtsx	198	(Không bao gồm VCQL)
IX	Nhu cầu vốn lưu động	tr.đ	171.760	
	- Vốn ngân sách và tự có	tr.đ		
	* Vòng quay vốn lưu động	vòng/năm	11	
X	Nộp ngân sách	tr.đ	27.466	
	- Thuế GTGT phải nộp	tr.đ	20.990	
	- Thu nhập cá nhân	tr.đ	800	
	- Thuế đất	tr.đ	2.772	
	- Thuế môn bài	tr.đ	4	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	tr.đ	2.900	

Số: 943 /BC-VMC

Cám Phả, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2023

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2024 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Đầu năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty bao gồm các thành viên:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 tổ chức vào ngày 26/4/2023, Hội đồng quản trị đã được bầu lại với nhiệm kỳ 5 năm (2023-2028), với các thành viên HĐQT như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Phạm Thu Hương	Thành viên HĐQT	Chuyên trách

HĐQT đã xây dựng Quy chế hoạt động, các thành viên đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình tại Quyết định số 1457/QĐ-VMC ngày 28/4/2023.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

Năm 2023, HĐQT Công ty đã họp 16 phiên bằng hình thức họp trực tiếp đã thông qua và ban hành 16 Nghị quyết, 04 Quy chế, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023; HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2023, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2023 đề ra.

Kết quả SXKD năm 2023 được thể hiện qua một số các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	KH 2023	TH 2023	So sánh cùng kỳ 2022 (%)	So sánh KH 2023 (%)
1	Doanh thu	Tr.đ	2.261.632	1.819.950	2.277.530	100,7	125,14
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	602.119	565.546	601.786	99,94	106,40
3	Tổng quỹ lương	Tr.đ	111.976	109.739	116.641	104,17	106,29
4	Lao động bình quân	người	858	861	856	99,77	99,42
5	Tiền lương bình quân	Ngh.đ/ ng/tháng	10.876	10.621	11.355	104,40	106,91
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	13.984	14.000	15.328	109,61	109,49
7	Cổ tức	%	13	≥ 10	10	76,92	100
8	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	27.563	23.288 (KH điều chỉnh)	22.189	80,50	95,28

2.3. Về sử dụng vốn và thực hiện các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	77,21	78,47
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	22,79	21,53
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90,3	90,3
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	9,7	9,7
	- Nợ phải trả/ Vốn Chủ sở hữu	lần	9,5	9,36
3	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	0,66	0,49
	- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	lần	0,88	0,91
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,47	0,53
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,72	18,19
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,59	1,76

Trong năm 2023, tình hình tài chính tuy có khó khăn nhưng Công ty vẫn luôn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách với Nhà nước, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,... hoàn thành toàn diện và vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư duy trì sản xuất.

2.4. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Thông qua và không bỏ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc đối với Ông Bùi Xuân Hạnh và chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Phạm Thu Hương do hết nhiệm kỳ theo quy định.

+ Thông qua và giải quyết nghỉ chấm dứt hợp đồng theo nguyện vọng của Ông Nguyễn Minh Châu - GD Chi nhánh;

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ theo quy chế ban hành và bổ nhiệm lại các chức danh Quản đốc, Trưởng phòng đúng thời hạn.

+ Xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2023 tập trung chỉ đạo: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động, đào tạo cập nhật kiến thức về đấu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

2.5. Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, năm 2023 Công ty đã hoàn thành và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

- Dự án chuyên tiếp:

+ Dự án ĐT duy trì PTSX 2022-2023: hoàn thành 03/03 gói thầu;

+ Dự án Nâng cao năng lực Dây chuyên Cột chống thủy lực: hoàn thành 02/02 gói thầu.

- Dự án khởi công mới: Dự án Đầu tư duy trì PTSX 2023-2024: hoàn thành 06/06 gói thầu.

- Kết quả thực hiện công tác đầu tư: hoàn thành 11/11 gói thầu, đạt 100% KH; Giá trị thực hiện được 21.189/23.288 triệu đồng (KHĐT điều chỉnh tại Công văn số 6241/TKV-ĐT ngày 19/12/2023), đạt 95,3 % kế hoạch.

Các dự án đầu tư của Công ty đưa vào sử dụng khai thác đúng mục đích, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất và thị trường trong và ngoài ngành.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...vv.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành sản xuất, chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2023, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng,... hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Năm 2023, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã triển khai, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2023, bảo toàn vốn SXKD; đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững.

4. Đánh giá, kết luận

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Bộ máy Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên đã đạt được kết quả tốt.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Tình hình chung

Năm 2024 được dự báo nhân lực, việc làm, vốn và thị trường; cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt vẫn là vấn đề thách thức lớn, Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phấn đấu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2035.

2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2024

- Doanh thu: 1.905 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 565,949 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 15 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 859 người;
- Tiền lương bình quân: 11,117 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức $\geq 10\%$;
- Giá trị các dự án đầu tư: 13,334 tỷ đồng.
- Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Giải pháp thực hiện:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT trong năm 2023. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2024. *TM*

Nơi nhận:

- Website: www.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

Số: 944 /BKS-VMC

Cẩm Phà, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội ĐCĐ thường niên Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên các báo cáo, Ban kiểm soát xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả thẩm định như sau:

1. Kết quả thẩm định về Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2023 đã được kiểm toán với những số liệu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.260.356.590.915	2.276.830.496.719
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	2.260.356.590.915	2.276.830.496.719
4	Giá vốn hàng bán	2.133.018.514.100	2.156.165.741.433
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.338.076.815	120.664.755.286
6	Doanh thu hoạt động tài chính	199.879.311	120.939.186
7	Chi phí tài chính	13.606.890.024	13.004.597.040
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>13.107.419.647</i>	<i>13.004.597.040</i>
8	Chi phí bán hàng	16.724.149.901	9.560.854.182
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.558.924.098	83.192.282.101
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	15.647.992.103	15.027.961.149
11	Thu nhập khác	1.075.347.233	578.552.990
12	Chi phí khác	2.739.016.804	278.056.744

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
13	Lợi nhuận khác	(1.663.669.571)	300.496.246
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.984.322.532	15.328.457.395
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.375.501.265	3.276.962.142
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.608.821.267	12.051.495.253
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	2.258	2.566

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, xác minh những số liệu trong báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán được áp dụng cũng như các trình bày về các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, xem xét báo cáo kiểm toán và nội dung thư quản lý của Công ty kiểm toán phát hành.

Ban Kiểm soát có những nhận xét và đánh giá đối với báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được lập đầy đủ theo mẫu biểu quy định theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các quy định của TKV liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán: Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết cụ thể trên thuyết minh BCTC (mẫu B09-DN). Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên BCTC cho thấy các chỉ tiêu trên BCTC được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm kết thúc năm. Số liệu cuối kỳ của bảng cân đối kế toán năm 2022 khớp đúng với số liệu đầu kỳ của bảng cân đối kế toán năm 2023.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán độc lập cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định số liệu trên BCTC năm 2023 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Các ước tính và xác định của Công ty khi trình bày báo cáo tài chính là hợp lý và thận trọng.

Với kết quả thẩm định như trên, Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC – đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu báo cáo tài chính năm 2023 được thẩm định như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

TT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2023	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2023
A	Tài sản ngắn hạn	515.441.250.018	538.525.318.762
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.633.923.208	6.163.529.636
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	2.633.923.208	6.163.529.636
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	379.284.729.472	272.821.262.851
1	Nợ phải thu khách hàng	386.092.900.566	280.797.962.801
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.387.294.800	3.413.651.251
3	Phải thu ngắn hạn khác	20.512.959.457	21.564.030.311
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.708.425.351)	(32.954.381.512)
III	Hàng tồn kho	128.353.998.089	245.015.236.228
1	Hàng tồn kho	129.200.556.576	246.888.523.497
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(846.558.487)	(1.873.287.269)
IV	Tài sản ngắn hạn khác	5.168.599.249	14.525.290.047
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	4.192.524.153	2.616.156.226
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	11.332.805.950
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	976.075.096	576.327.871
B	Tài sản dài hạn	152.157.964.977	147.743.208.017
I	Tài sản cố định	137.055.576.017	128.247.642.817
1	Tài sản cố định hữu hình	136.716.305.089	128.247.642.817
	- Nguyên giá	585.596.897.768	607.022.291.392
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(448.880.592.679)	(478.774.648.575)
2	Tài sản cố định vô hình	339.270.928	-
	- Nguyên giá	2.228.444.170	2.228.444.170
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.889.173.242)	(2.228.444.170)
II	Tài sản dài hạn khác	15.102.388.960	19.495.565.200
1	Chi phí trả trước dài hạn	15.102.388.960	19.495.565.200
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	667.599.214.995	686.268.526.779
C	Nợ phải trả	602.850.939.496	619.693.748.309
I	Nợ ngắn hạn	584.229.614.249	594.416.285.338
1	Phải trả người bán ngắn hạn	349.856.854.477	489.250.666.477
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	39.353.600	4.657.583.128
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.478.824.540	1.614.677.929
4	Phải trả người lao động	33.521.798.037	37.178.193.232
5	Chi phí trả trước ngắn hạn	174.021.710	81.078.000
6	Phải trả ngắn hạn khác	9.057.325.349	615.744.222

TT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2023	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2023
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	183.412.014.400	56.085.324.978
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.761.115.015	3.827.285.753
10	Quỹ khe thưởng phúc lợi	928.307.031	1.105.731.619
II	Nợ dài hạn	18.621.325.247	25.277.462.971
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.026.000.000	23.246.643.200
2	Dự phòng phải trả dài hạn	1.115.325.247	550.819.771
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.480.000.000	1.480.000.000
D	Vốn chủ sở hữu	64.748.275.499	66.574.778.470
I	Vốn chủ sở hữu	63.448.017.499	66.241.370.975
1	Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	4.129.472.713	5.480.152.203
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.345.034.786	13.787.708.772
	- LNST chưa phân phối năm trước	1.736.213.519	1.736.213.519
	- LNST chưa phân phối kỳ này	10.608.821.267	12.051.495.253
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.300.258.000	333.407.495
1	Nguồn kinh phí	1.300.258.000	333.407.495
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	667.599.214.995	686.268.526.779

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	23	22
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	77	78
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90	90
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	10	10
	- Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	9,5	9,3
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,66	0,49
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,88	0,91
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,59	1,76
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	%	16,72	18,20
5	Vòng quay của vốn			
	- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	17	9
	- Số ngày lưu kho bình quân	Ngày	22	41

399
FY
.N
MÁ
41N
UANG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
	- Vòng quay các khoản phải thu	vòng	6	8
	- Kỳ thu tiền bình quân	ngày	61	44
	- Vòng quay các khoản phải trả	vòng	6	4,4
	- Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	60	83
	- Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,4	3,3
	- Chu kỳ kinh doanh	Ngày	83	85
	- Vòng quay Vốn lưu động	vòng	4,4	4,3

4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Kết thúc năm 2023, cổ tức của Công ty dự kiến phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 là 10%, việc chia cổ tức năm 2023 cho các cổ đông góp vốn, trích lập các quỹ và quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty thông qua Nghị quyết của đại hội, lúc đó mới thực hiện phân chia lợi nhuận và các quỹ tại ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e-copy, b/c);
- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông (e-copy);
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS, VP.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 945 /BKS-VMC

Cầm Phá, ngày 18 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
Về hoạt động giám sát đối với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023;
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021;

- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số: 1148/QC-BKS ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo với Đại hội cổ đông năm 2024 về Báo cáo kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, giám sát hoạt động quản lý đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023; Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2024.

**PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

Trong năm 2023, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2023 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;

- Giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2023; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong từng kỳ họp đối với hoạt động sản xuất và quản lý tại Công ty; Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Công ty với các công ty TKV;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên HĐQT, Ban Giám đốc. Ban kiểm soát giám sát theo nhiệm vụ được phân công đối với các thành viên HĐQT tại các Quyết định số 1457/QĐ-VMC ngày 28/4/2023 về việc Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; Quyết định số 1458/QĐ-VMC ngày 28/4/2023 về việc ban hành quy định về nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc Công ty.

- Đối với các cán bộ quản lý gồm các Trưởng, Phó phòng ban; Quản đốc, Phó quản đốc các phân xưởng; Giám đốc, phó giám đốc và kế toán trưởng Chi nhánh

giám sát theo thực thi nhiệm vụ được lãnh đạo Công ty giao và quy chế quản lý cán bộ do Công ty ban hành.

- Giám sát việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá đúng mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng để có giải pháp điều hành sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty;

- Giám sát việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD;

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được HĐQT Công ty phê duyệt, việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên;

- Giám sát các đơn vị trong Công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế khoán quản trị chi phí trong nội bộ Công ty; Phát hiện những bất hợp lý trong việc điều hành sản xuất, trong công tác quản lý tại các phân xưởng để có ý kiến về công tác quản lý với các phân xưởng cho tốt hơn;

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, công tác quyết toán các dự án đầu tư đã hoàn thành; tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất; việc quản lý công nợ và tình hình trích lập dự phòng;

- Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế về bán hàng và mua hàng, tình hình cho vay mượn hàng hóa khi chưa hoàn tất các thủ tục bán hàng đối với một số đơn vị để có ý kiến trong công tác quản lý và đôn đốc hoàn thiện thủ tục giao hàng, xuất hóa đơn;

- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trong Công ty;

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản và vốn tại Chi nhánh Công ty theo các quý, việc quản trị chi phí sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty;

- Thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính các quý trong năm 2023, lập báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh cũng như thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

- Tham gia vào việc xây dựng, sửa đổi và ban hành các Quy chế có liên quan đến công tác quản lý điều hành tại Công ty;

** Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023.*

Với tinh thần và thái độ nghiêm túc trong hoạt động kiểm tra, giám sát. Trong năm 2023 Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ giám sát các hoạt động sản xuất, tiêu thụ; Giám sát hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đối với HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành và các cán bộ quản lý theo điều lệ của Công ty; thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát theo kế hoạch kiểm soát đã được xây dựng từ đầu năm 2023; Thực hiện giám sát công tác hạch toán giá thành sản xuất các sản phẩm đối với nhân viên kinh tế các phân xưởng; công tác hạch

toán kế toán, lập báo cáo tài chính từng quý, báo cáo thống kê sản xuất, thống kê ĐTXD cơ bản; các hoạt động kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Công ty; công tác điều hành đối với hàng tồn kho, sản phẩm dở tồn kho vượt quá chu kỳ sản xuất chưa được hoàn thiện để có ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty có hướng giải quyết.

Với các hoạt động của Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm 2023, Ban Kiểm soát khẳng định việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất đối với Công ty trong năm 2023 đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, góp phần vào thành quả chung của Công ty là sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

*** Kết quả giám sát thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết năm 2023**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/4/2023. Kết thúc năm tài chính 2023, Công ty đã thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	1.819.950	2.277.530	125
2. Giá trị sản xuất	Tr.đ	565.546	601.786	106
3. Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	109.739	116.641	106
4. Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	10,621	11,355	107
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	14.000	15.328	109
6. Lao động định mức	Người	861	856	99
7. Cổ tức	%	≥ 10	10	100
8. Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	23.288	22.189	95
9. Hệ số nợ/Vốn CSH	Lần	8,3	9,3	112

2. Kết quả giám sát hoạt động quản lý đối với HĐQT

Thực hiện chức năng quản lý, điều hành Công ty. Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết, quyết định để thực hiện công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- Ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông năm 2023 kết thúc, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 01/NQ-VMC ngày 26/04/2023 V/v thông qua các nội dung bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028; Không bổ nhiệm lại chức vụ Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sau khi kết thúc nhiệm kỳ; Điều chuyển Phó trưởng phòng TC-HC nhận nhiệm vụ Phó trưởng phòng KT-TC, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng theo quy định; Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định số 1457/QĐ-VMC ngày 28/04/2023

V/v Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN nhiệm kỳ 2023-2028;

- Nghị quyết số 162/NQ-VMC ngày 18/01/2023; Nghị quyết số 163/NQ-VMC ngày 07/02/2023 thông qua việc đề Giám đốc Công ty ký Phụ lục hợp đồng số 3866/HĐ-VT/2022 và hợp đồng mua phôi thép;

- Nghị quyết số 164/NQ-VMC ngày 27/02/2023 thông qua hợp đồng mua bán thép chống lò 10 tháng cuối năm 2023 với Công ty Cổ phần Cơ khí mỏ và Đóng tàu;

- Nghị quyết số 287/NQ-VMC ngày 06/02/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua, chấp thuận các nội dung chủ yếu của các hợp đồng, giao dịch của Công ty trong việc mua phôi thép, sản xuất và bán các sản phẩm thép cán, vì lò có giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

- Nghị quyết số 165/NQ-VMC ngày 2/3/2023 thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Phê duyệt Quy chế quản lý vật tư, Quy chế về công tác văn thư lưu trữ, Quy chế quản lý đầu tư xây dựng; Ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký các hợp đồng vay vốn dài hạn, ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 02/NQ-VMC ngày 08/5/2023 Thông qua rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ cấp TKV quản lý giai đoạn 2020-2025 và giai đoạn 2025-2030; Bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp Phòng, Phân xưởng, Chi nhánh Công ty giai đoạn 2021-2025...

- Thông qua tờ trình của Giám đốc Công ty về việc thành lập Hội đồng xử lý nợ, Phê duyệt định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số hệ số tài chính năm 2023;

- Thông qua phương án cơ sở xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024; Phê duyệt quy chế quản lý cán bộ theo quy chế quản lý cán bộ của TKV đã ban hành...

Trên cơ sở các quy định mới của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo công tác sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế sau: (1) Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; (2) Quy chế về công tác văn thư lưu trữ; (3) Quy chế quản lý công tác vật tư; (4) Quy chế quản lý cán bộ; (5) Quyết định thành lập Hội đồng xử lý nợ;

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2023 đề ra;

- HĐQT ban hành 16 Nghị quyết, 04 Quy chế và 07 Quyết định, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty trong năm nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2023 đề ra.

*** Đánh giá về các mặt hoạt động của HĐQT trong năm 2023**

- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2023 đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo nguyên tắc đồng thuận, dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách;

- Các thành viên HĐQT đã chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo lĩnh vực được phân công đảm bảo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đều có sự đồng thuận cao của các thành viên HĐQT trong việc điều hành sản xuất và các mặt quản lý tại Công ty;

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đề ra như Doanh thu, giá trị sản xuất, tổng quỹ tiền lương, lợi nhuận đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức theo kế hoạch. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của cổ đông như: Lợi nhuận sau thuế, thu nhập tiền lương bình quân, tỷ lệ chia cổ tức đều đạt và vượt so với kế hoạch, vốn đầu tư của các chủ sở hữu được bảo toàn.

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2023 của HĐQT, Ban Kiểm soát đánh giá từng thành viên HĐQT làm việc cẩn trọng, chắc chắn với tinh thần trách nhiệm cao trước nhiệm vụ được phân công để chỉ đạo, điều hành nhiệm sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty ổn định và bền vững. Tập thể các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty đúng pháp luật đem lại hiệu quả cho Công ty.

3. Kết quả giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã ban hành Quyết định số 1458/QĐ-VMC ngày 26/04/2023 quy định về nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;

- Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT từng kỳ họp để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức triển khai đồng bộ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn các Công ty TKV với Công ty;

- Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện KHSXKD và kế hoạch quản lý phòng ngừa rủi ro năm 2023; Ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2023 của các đơn vị trong Công ty và nhiều quyết định, quy định, chỉ thị có liên quan đến hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất của Công ty...

- Tiếp tục bằng các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất điều hành Dự án cán thép đạt sản lượng trên 110 ngàn tấn năm 2023, đáp ứng đủ nhu cầu thép phục vụ các đơn vị khai thác than hầm lò trong toàn Tập đoàn và có nguồn chủ động dự trữ cho quý I năm sau. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất theo kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong và ngoài ngành để chủ động trong khâu sản xuất; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh như mua sắm vật tư theo nhu cầu của sản xuất, đảm bảo mức tồn kho hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; trong đầu tư xây dựng cơ bản mua sắm theo hình thức chào thầu qua mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo tính minh bạch và tiết kiệm chi phí đầu tư; các khoản chi phí bằng

tiền khác như hội nghị, khánh tiết, lễ tân, công tác phí đều đảm bảo chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ để nâng cao hiệu quả của sản xuất kinh doanh;

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm, chủ động khai thác tốt công việc từ trong và ngoài ngành than, chủ động làm việc với các đơn vị trong TKV để thực hiện tốt hợp đồng phối hợp kinh doanh về sửa chữa thiết bị, về chế tạo phụ tùng cơ khí, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty luôn được ổn định;

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, thực hiện theo đúng nghị quyết của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch;

** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – tiêu thụ chủ yếu năm 2023*

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH
A	B	c	1	2	3
A	SẢN XUẤT				
I	Chế tạo thiết bị		1.000	353	35
	- Thiết bị ngành than	Tấn	700	331	47
	Cột chống thủy lực các loại	Cột	6.000	5.110	85
	Máy xúc VMC 500	Máy	2	-	
	Giá chuyển hướng Toa xe 30-35 T	Toa			
	Xe gòng 3 tấn	Xe	50	23	46
	- Thiết bị theo dự án TKV	Tấn	-	-	
	- Thiết bị khác	Tấn	300	22	7,3
II	Chế tạo & phục hồi phụ tùng		122.500	155.744	127
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	500	690	138
	- Phụ tùng khác	Tấn	500	66	13
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	283	57
	- Vì chống lò các loại	Tấn	35.000	44.619	127
	- Thép cán vì lò	Tấn	86.000	110.086	128
III	Sửa chữa thiết bị xe máy		56	72	128
	- Các loại máy gạt	Cái	7	5	71
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	9	7	78
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái	10	12	120
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	6	6	100
	- Máy khoan thủy lực các loại	Cái	2	2	100
	- Thiết bị khác	Cái	22	40	182
B	TIÊU THỤ				
I	Chế tạo thiết bị		1.000	352	35
	- Thiết bị ngành than	Tấn	700	329	47
	Cột chống thủy lực các loại	Cột	6.000	5.118	85

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH
A	B	c	1	2	3
	Máy xúc VMC 500	Máy	2	-	
	- Xe go òng 3 tấn	Xe	50	23	46
	- Thiết bị theo dự án TKV	Tấn	-		
	- Thiết bị khác	Tấn	300	22	7,3
II	Chế tạo & phục hồi phụ tùng		86.500	112.573	130
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	500	261	52
	- Phụ tùng khác	Tấn	500	66	13
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	287	57
	- Vi chống lò các loại	Tấn	35.000	44.619	127
	- Thép cán vi lò bán ra	Tấn	50.000	67.340	135
III	Sửa chữa thiết bị xe máy		56	72	128
	- Các loại máy gạt	Cái	7	5	71
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	9	7	78
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái	10	12	120
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	6	6	100
	- Máy khoan thủy lực các loại	Cái	2	2	100
	- Thiết bị khác	Cái	22	40	182
IV	Doanh thu	Tr.đồng	1.819.950	2.277.530	125
1	Doanh thu trong TKV	"	1.769.650	2.227.894	125
2	Doanh thu ngoài TKV	"	40.000	48.937	29
V	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	14.000	15.328	109
VI	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương				
7.1	Lao động định mức	người	861	856	99
7.2	Tiền lương bq theo lao động định mức	1000đ/ng-tháng	10.621	11.355	7
7.3	Chỉ tiêu hướng dẫn đơn giá tiền lương				
	- Sản xuất cơ khí (không bao gồm quỹ lương viên chức)	đ/1000 đ DT	190	190	100
VII	Giá bán sản phẩm		Năm 2022	2023	
	- Giá bán bình quân thép cán	đ/tấn	19.552	17.721	90,6
	- Giá bán bình quân vi lò	đ/tấn	21.279	19.285	90,6

** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2023*

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ %
1. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	Tr đ	21.110	27.015	128
2. Vay ngắn hạn ngân hàng	Tr đ	180.000	45.238	25
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	đ	2.258	2.566	114
4. Vòng quay VLD	vòng	-	4,3	-

Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban Giám đốc:

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2023, Ban Kiểm soát ghi nhận sự quyết tâm, sự năng động của từng thành viên trong tập thể Ban Giám đốc đã cố gắng trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất theo nhiệm vụ được phân công trong năm qua đều hướng tới lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty luôn ổn định và có sự tăng trưởng trong hoạt động sản xuất. Việc làm, thu nhập đảm bảo, đời sống vật chất tinh thần của người lao động phấn khởi, tự tin, các nghĩa vụ đóng góp với Ngân sách Nhà nước và địa phương đầy đủ. Tập thể các thành viên Ban Giám đốc luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty hoạt động theo đúng pháp luật và sản xuất kinh doanh hiệu quả.

4. Kiểm soát các mặt hoạt động khác

4.1. Kiểm soát về quản lý và sử dụng vật tư:

Công ty đang thực hiện công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư theo quyết định số 627/QĐ-VMC ngày 03/03/2023 V/v Ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN.

Công ty đã thành lập các tổ thẩm định, tư vấn trong công tác lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa trong lĩnh vực sửa chữa thiết bị, thuê ngoài vận chuyển, thuê gia công sản phẩm, mua sắm vật tư hàng hóatheo yêu cầu quản lý của Công ty, phù hợp với quy chế về quản lý và sử dụng vật tư của TKV quy định.

Trong năm 2023 giá trị thực hiện hợp đồng mua vật tư, hàng hóa là 2.085,6 tỷ/2.527,2 tỷ đồng; Trong đó mua trong TKV là 1.717,8 tỷ đồng, chiếm 82,4% tổng giá trị thực hiện hợp đồng mua; Mua ngoài ngành là 367,85 tỷ đồng, chiếm 17,6 % tổng giá trị thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hóa trong năm 2023.

- Giá trị mua hàng trong TKV có ký hợp đồng: 1.717,8 tỷ đồng trong đó mua: (Phôi thép: 115.841 tấn bằng 1.630,17 tỷ đồng; Nhiên liệu bao gồm Dầu ma zut, Dầu tái sinh; Mỡ máy, dầu nhờn, than cục: 68,69 tỷ đồng).

- Giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng: 365,7 tỷ đồng, chiếm 99,4% tổng giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng (Gồm mua sắt thép chế tạo, phụ tùng sửa chữa các thiết bị máy mỏ, hàng hóa vật tư khác...)

- Hình thức thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hóa chủ yếu áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp, báo giá cạnh tranh, chào giá rút gọn. Công ty đã thực hiện đúng quy định theo Quy chế quản lý công tác mua sắm vật tư đã ban hành.

4.2. Về công tác sửa chữa lớn:

Theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 có giá trị là 18.550 triệu đồng. Đến 31/12/2023 Công ty đã thực hiện 16/17 hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch. Giá trị sửa chữa lớn thực hiện 14.817 triệu đồng, bằng 80% so với KH. Trong đó còn hạng mục sửa chữa dây chuyền băng tải ngang giá trị 2.000 triệu đồng thực hiện dở dang chuyển sang tháng 1/2024. Giá trị chi phí sửa chữa lớn phân bổ vào chi phí sản xuất trong năm đảm bảo phù hợp với thời gian sử dụng của tài sản sau sửa chữa lớn.

4.3. Về trích lập dự phòng nợ khó đòi, hàng tồn kho:

- Việc trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi, hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm luân chuyển Công ty thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 đảm bảo đúng chế độ và tỷ lệ trích lập dự phòng.

- Giá trị trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi trong năm 2023 đã trích là: 245,95 triệu đồng, trong đó trích lập dự phòng phải thu của Công ty Nhiệt điện Sơn động (do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ trên số nợ phải thu có gốc ngoại tệ);

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ứ đọng, kém phẩm chất khó tiêu thụ đã trích lập 1.026,72 triệu đồng.

4.4. Về thực hiện đầu tư năm 2023:

- Các công trình ĐTXD năm 2023 theo Thông báo điều chỉnh kế hoạch số 6241/TKV-ĐT ngày 19/12/2023 của TKV, theo đó KH đầu tư năm 2023 bao gồm:

Tổng số: 23.288 triệu đồng, trong đó:

- Trả nợ khối lượng năm trước: 2.242 triệu đồng;

- Kế hoạch năm 2023: 21.046 triệu đồng

Kết quả thực hiện các dự án đầu tư năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	TB số 6241/TKV- ĐT ngày 19/12/2023	Thực hiện đến 31/12/2023	Tỷ lệ %TH/ KH
	TỔNG (1+2+3)	23.288	22.188	95
I	Dự án ĐTDT và PTSX năm 2022-2023	5.084	5.012	
1	Máy khoan đứng	288	320	
2	Máy khoan cần	1.049,5	1.165	
3	Máy khoan cần	868,5	965	
4	Máy nén khí	759	705	
5	Máy phay vạn năng	1.575	1.750	
6	Máy hàn MIG, MAG	431	-	
7	Chi phí kiểm toán, phê duyệt quyết toán	61	56,3	
8	Chi phí lập DA, lập HSMT, đánh giá HSDT	52	51,4	
II	Dự án nâng cao năng lực dây chuyền cột chống thủy lực	8.708	8.625	
1	Chi phí tư vấn, lập dự án HSMT, đánh giá HSMT	62	62	
2	Chi phí kiểm toán, phê duyệt quyết toán	69	63	
3	Máy tiện CNC (đường kính chi tiết trên bản dao dọc \geq 400mm, khoảng cách chống tâm \geq 1.500mm)	3.264	4.100	
4	Máy tiện CNC (đường kính chi tiết trên bản dao dọc \geq 250mm, khoảng cách chống tâm \geq 1.400mm)	3.502	4.400	
5	Máy gia công lỗ CNC (khả năng gia công F40-F200) mm, chiều dài gia công \geq 2.000mm)	1.811	-	

TT	Tên công trình	TB số 6241/TKV- ĐT ngày 19/12/2023	Thực hiện đến 31/12/2023	Tỷ lệ %TH/ KH
III	Dự án đầu tư DT, PT sản xuất năm 2023-2024	9.496	8.551	
1	Máy chủ	1.248,5	1.138	
2	Máy Photocopy	227,4	207,2	
3	Hệ thống quản lý vận hành thiết bị tập trung (Trạm điện)	2.954	2.635	
4	Máy doa lỗ di động	708	655,8	
5	Máy hàn Mig/Mag	513	475,4	
6	Xe bán tải	1.297	1.179	
7	Máy phay CNC	2.384	2.167	
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	70	-	
9	Lệ phí trước bạ xe ô tô bán tải	94	94	

Nhận xét chung về công tác đầu tư năm 2023:

- Công ty triển khai thực hiện về đầu tư theo đúng kế hoạch đã được điều chỉnh theo Thông báo số 6241 ngày 19/12/2023 của TKV.

- Việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và phê duyệt đối với từng dự án đã được cân nhắc và quyết định trên cơ sở bổ sung năng lực thiết bị cho sản xuất. Việc chuyển bước từ kế hoạch chuẩn bị dự án, dự phòng lên kế hoạch chính thức thi công đều được báo cáo TKV cụ thể và làm theo đúng quy định.

- Các gói thầu của các dự án đầu tư đều áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, hình thức hợp đồng trọn gói. Đối với các gói thầu kiểm toán của dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn.

- Công ty đã thực hiện đảm bảo đúng quy định về tính tuân thủ trong quản lý và thực hiện đầu tư.

5. Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng bán hàng năm 2023

- Tổng giá trị hợp đồng ký đến thời điểm 31/12/2023 là: 2.313,79 tỷ đồng; Trong đó giá trị hợp đồng đã ký trong năm 2023 là 2.257,23 tỷ đồng; đã thực hiện trong năm 2023 là 2.267,14 tỷ đồng, giá trị hợp đồng không thực hiện do các đơn vị tiết giảm đặt hàng là 8,154 tỷ đồng; còn lại chuyển sang thực hiện năm 2024 là 38,5 tỷ đồng (Trong đó các đơn vị trong TKV: 10,34 tỷ đồng; các đơn vị ngoài TKV gồm Hòa Phát – Dung Quất: 28,14 tỷ đồng).

- Do thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV được thuận lợi nên doanh thu bán hàng cho các đơn vị ngành than chiếm 97,4% tổng số doanh thu bán hàng trong năm 2023 của Công ty. Việc thu tiền hàng trong năm đối với các đơn vị trong TKV thuận lợi do Tập đoàn đồng ý thanh toán bù trừ công nợ giữa các đơn vị trong nội bộ ngành Than với nhau. Qua đó đã giảm đáng kể số nợ phải thu khách hàng đến cuối năm so với số đầu năm.

6. Kiểm soát về quỹ tiền lương, tiền thưởng.

6.1. Quản lý quỹ tiền lương và phân phối thu nhập:

Để thực hiện tốt quản lý quỹ tiền lương và phân phối thu nhập, Công ty đã ban hành Quyết định số 916/QĐ-VMC ngày 27/3/2023 V/v ban hành quy định

trả lương theo KPIs để làm cơ sở thực hiện phân phối thu nhập từ tiền lương cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương thực hiện theo đơn giá được quyết toán 116,641 tỷ đồng (trong đó quỹ lương của Viên chức quản lý là: 2,304 tỷ đồng. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 11,355 trđ/ng/tháng, tăng 7% so với kế hoạch. Tiền lương đã được Công ty trả đầy đủ, chính xác vào sổ lương của cá nhân người lao động theo từng tháng trong năm.

6.2. Quản lý quỹ khen thưởng

Quỹ khen thưởng trong năm được trích là 2.060,56 tr đồng đã chi cho các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất trong năm và chi cho các hoạt động khác là: 1.706,99 triệu đồng. Đến 31/12/2023 quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành dư 1.105,73 triệu đồng. Trong đó quỹ khen thưởng còn dư 73.646.842 đồng;

Việc sử dụng quỹ khen thưởng để chi cho các hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện theo Quyết định số 1775/QĐ-VMC ngày 4/7/2019 V/v Ban hành quy chế thi đua khen thưởng trong Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN.

7. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban Giám đốc điều hành.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và hiệu quả.

- Phối hợp tốt với HĐQT đánh giá hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý trên các mặt để lập báo cáo Chủ sở hữu về việc chấp hành pháp luật, tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu theo từng quý;

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công trong Ban Giám đốc, Ban kiểm soát đã phối hợp với từng đồng chí trong ban Ban Giám đốc theo lĩnh vực được phân công để trao đổi công việc có liên quan đến sản xuất, tiêu thụ; trong quản lý đầu tư mua sắm tài sản; trong công tác tìm kiếm thị trường và quản trị chi phí; trong việc quản lý vốn và tài sản nói chung tại Công ty để có các ý kiến, kiến nghị với từng cấp quản lý với phương châm thận trọng, chính xác, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Những lưu ý, kiến kiến nghị của Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc ghi nhận về công tác chuyên môn trong công tác quản lý đối với hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý tại Công ty. Trong năm 2023 Ban Kiểm soát chưa nhận được bất cứ ý kiến phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Tồn tại, hạn chế

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát tuy đã có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần và trách nhiệm cao nhất vì sự ổn định của Công ty và vì quyền lợi của các cổ đông. Tuy nhiên việc triển khai theo kế hoạch kiểm soát đã xây dựng từ đầu năm vẫn còn một số nội dung chưa được tập trung nhiều như: Kiểm soát việc sử dụng nhiên liệu cho các xe đi công tác; Đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư trong năm 2022 sau khi đưa vào hoạt động; Kiểm soát hoạt động thuê ngoài đối với công tác sửa chữa nội bộ thường xuyên.

9. Biện pháp khắc phục

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Tập trung kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm, kiểm tra theo chuyên đề. Tăng cường kiểm tra giám sát trước và trong quá trình tổ chức thực hiện tại các đơn vị được kiểm tra.

- Nâng cao năng lực và phát huy vai trò của kiểm soát ở mức cao nhất, nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc tiếp nhận thông tin, tăng cường giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý. Ban Kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của quý vị cổ đông, của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng chức năng trong Công ty để giúp Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty đã quy định. Thay mặt cổ đông thực hiện giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng quý thẩm tra tính trung thực số liệu của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tham mưu với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng tài sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo chương trình kế hoạch kiểm soát đã lập nhằm ngăn chặn hạn chế rủi ro và gian lận trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý.

- Thực hiện kiểm soát định kỳ hàng quý, đột xuất theo kế hoạch chương trình đã được xây dựng ngay từ đầu năm.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2023; Báo cáo về hoạt động quản lý của HĐQT, Ban

Giám đốc năm 2023; Báo cáo thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2023 và Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông dự đại hội;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: Ban KS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 946 /BKS-VMC

Cám Phả, ngày 28 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty xem xét lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty trong số những đơn vị được đề xuất như sau:

I. Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được đề xuất thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh: Số 8 Chu Văn An, thành phố Hạ Long.

2. Công ty TNHH Kiểm toán BDO

Trụ sở tại Tầng 20, Tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội;

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Trụ sở tại Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

II. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá các Công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất ở trên là Công ty kiểm toán độc lập có uy tín và năng lực để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty đại chúng có cổ phiếu đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán.

Các Công ty được lựa chọn theo đề xuất của Ban Kiểm soát đã được Bộ Tài chính phê duyệt là một trong số 30 Doanh nghiệp Kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 theo Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023.



Vì vậy Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty chấp thuận theo danh sách đề xuất của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp để kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng



95999-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ TẠO MÁY
VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG BÌNH

Số: 941 /TTr-VMC

Cầm Phả, ngày 27 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc xin duyệt Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận
sau thuế TNDN năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy –
VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-VMC ngày 05/4/2022 của Hội đồng Quản
trị Công ty về việc ban hành “Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần
Chế tạo máy - VINACOMIN”;

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên
năm 2024 phê duyệt phương án chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận và trích lập
các quỹ năm 2023, như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2023:	12.051.495.253 đồng.
2. Trả cổ tức 10%/năm/Vốn điều lệ:	4.697.351.000 đồng.
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	7.354.144.253 đồng.
3.1. Trích Quỹ đầu tư phát triển 15%:	1.103.121.638 đồng.
3.2. Trích Quỹ thưởng Người quản lý Công ty bằng 1,0 tháng lương thực hiện của người quản lý năm 2023:	192.000.000 đồng.
3.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 0,55 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2023:	6.059.022.615 đồng.
Trong đó: - Quỹ khen thưởng (70%):	4.241.315.831 đồng;
- Quỹ phúc lợi (30%):	1.817.706.784 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy –
VINACOMIN xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: www.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS, BGĐ (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tú

Số: 942/TT-VMC

Cám Phá, ngày 28 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2023
và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024 của Người quản lý Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 26/4/2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua phân phối thù lao năm 2023 và kế hoạch thù lao 2024 của Người quản lý Công ty như sau:

1. Thực hiện năm 2023

1.1. Tiền lương của Người quản lý Công ty.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Chức vụ	KH năm 2023 (đồng/năm)	TH năm 2023 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	445.000.000	474.815.000
2	Lê Viết Sự	Phó Giám đốc	394.000.000	420.398.000
3	Bùi Xuân Hạnh	Phó Giám đốc	394.000.000	140.133.000
4	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	394.000.000	420.398.000
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng	360.000.000	408.661.000
6	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	412.000.000	439.604.000
	Tổng		2.399.000.000	2.304.009.000

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2023 (đồng/năm)	TH năm 2023 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Trưởng BKS	01	412.000.000	439.604.000
	Tổng		412.000.000	439.604.000

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên Ban kiểm soát Công ty kiêm nhiệm:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số tháng	KH năm 2023 (đồng/năm)	TH năm 2023 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Nguyễn Văn Tứ (CT HĐQT)	12	61.680.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT			
2.1	Phạm Minh Tuấn (GD kiêm HĐQT)	12	59.280.000	59.280.000
2.2	Trần Tuấn Anh	4/12	52.560.000	17.520.000
2.3	Lê Viết Sự	12	52.560.000	52.560.000
2.4	Bùi Xuân Hạnh	12	52.560.000	52.560.000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm (2 người)	12	105.120.000	105.120.000
	Cộng		383.760.000	348.720.000

Phương thức chi trả:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

2. Kế hoạch năm 2024:

2.1. Tiền lương của Người quản lý Công ty:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Chức vụ	Tiền lương tháng (đồng/tháng)	Tiền lương năm (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	37.050.000	444.600.000
2	Phạm Thu Hương	TVHĐQT.Cách	32.850.000	394.200.000
3	Lê Viết Sự	Phó Giám đốc	32.850.000	394.200.000
4	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	32.850.000	394.200.000
5	Khuyết 01 PGĐ, 01 Kế toán trưởng		32.850.000	394.200.000
6	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	34.350.000	412.200.000
	Tổng			2.433.600.000

2.1. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	Tiền lương tháng (đồng/tháng)	Tiền lương năm (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Trưởng BKS	01	34.350.000	412.000.000
	Tổng			412.000.000

2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS kiêm nhiệm:

Đơn vị tính: đồng

T T	Chức Danh	Tiền lương tháng	Số người	tỷ lệ	Tiền thù lao tháng (đồng/th)	Tiền thù lao KH năm 2024 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	1	20%	5.140.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT					
	GD kiêm TV HĐQT	24.700.000	1	20%	4.940.000	59.280.000
	TV HĐQT (chuyên trách)	21.900.000	1			
	TV HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000	2	20%	4.380.000	105.120.000
3	Thành viên BKS (kiêm nhiệm)	21.900.000	2	20%	4.380.000	105.120.000
	Cộng		7			331.200.000

3. Phương thức chi trả:

Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

Hằng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGD, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tú